

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 31/8/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Nguyễn Thành Nhơn;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Quách Đình Hoàng;

2. Bà Hồ Thị Ánh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 2 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1986; địa chỉ: số nhà 34 đường Nguyễn An N, tổ 5, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1980; địa chỉ: số nhà 34 đường Nguyễn An N, tổ 5, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Anh T và chị L vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện ngày 24/12/2019 và bản khai ngày 10/02/2020, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện tìm hiểu, được sự đồng ý của hai bên gia đình, cả hai đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Định vào ngày 14/01/2010. Thời gian đầu cả hai chung sống hòa thuận nhưng càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống cả hai khác nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, dần dần mất niềm tin lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được bạn bè, gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành. Hiện tại chị và anh T mạnh ai người đó

sống, không còn quan tâm gì đến nhau và bản thân chị không còn tình cảm thương yêu anh T, cuộc sống hôn nhân không thể kéo nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Nguyễn Hữu T có một con chung là Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 19/11/2010;chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc theo nguyện vọng của con cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị không yêu cầu anh Nguyễn Hữu T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục đề triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Hữu T. Tuy nhiên, anh T không đến Toà án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa. Do vậy, anh Nguyễn Hữu T không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng L; giao cháu Nguyễn Hoàng B cho chị Nguyễn Thị Hồng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Nguyễn Hữu T đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại số nhà 34 đường Nguyễn An N, phường I, thành phố P đúng như địa chỉ mà chị L đã ghi trong đơn khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng, nhưng anh T không đến tham gia và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, đồng thời chị L cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các điều: 28, 35, 39, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự mở phiên tòa xét xử các đương sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Về quyền khởi kiện và Thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Hồng L làm đơn yêu cầu Tòa án nhân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Hữu T. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của chị L đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý. Bị đơn là anh Nguyễn Hữu T cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án để anh T đến tham gia phiên tòa lần hai nhưng anh Nguyễn Hữu T vắng mặt, không có văn bản gửi cho Tòa án biết lý do vắng mặt của mình nên theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến

hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Hữu T. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án để chị L đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L và bị đơn anh Nguyễn Hữu T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Định vào ngày 14/01/2010 là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 12 và điều kiện kết hôn quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc và đã có con chung.

Chị L cho rằng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bỏn phận người đó, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng anh chị không thể về đoàn tụ, không quan tâm gì đến nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng, thực tế hiện nay anh T và chị L không còn sống chung và trong quá trình giải quyết yêu cầu ly hôn của chị L, Tòa án đã tổng đạt nhiều lần các văn bản theo quy định của pháp luật để anh T tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình, nhưng anh T đều vắng mặt. Như vậy chứng tỏ anh T không quan tâm đến gia đình và không mong muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con và cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Nguyễn Hữu T có một con chung chưa thành niên là Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 19/11/2010.

Chị L có nguyện vọng được nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng và Nguyễn Hoàng B có nguyện vọng được ở với chị Nguyễn Thị Hồng L khi cha mẹ ly hôn.

Xét thấy yêu cầu của chị L là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con và đồng thời chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con từ khi sinh ra cho đến thời điểm hiện nay vẫn đang được chị L nuôi dưỡng. Chị L đảm bảo các điều kiện cho sự phát triển bình thường về mọi mặt cho con theo quy định tại Điều 69, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì vậy cần giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Hoàng B cho chị Nguyễn Thị Hồng L được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị Nguyễn Thị Hồng L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều: 56, 69, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016;

#### **Xử:**

1. Chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

2. Giao con chung là Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 19/11/2010 cho chị Nguyễn Hồng Linh tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động tự lập được; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc hạn chế quyền thăm nom con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004638 ngày 07-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; chị Nguyễn Thị Hồng L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai, chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
  - Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
  - Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
  - Các đương sự;
  - Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Định
- (GCNKH số 08; QS 01/2010; ngày 14/01/2010);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Thành Nhơn**

